

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HSPT
Ngày: 27/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **TRẦN HỮU VIÊN**

2/ Ông **TRẦN ANH KHOA**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN HỒNG THẨM** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **PHẠM BAI** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 128/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Lê Nhất T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 245/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

TRẦN LÊ NHẤT T - Sinh năm: 1990 tại K

Nơi ĐKKHKT: 51/1 đường LTT, phường L, thành phố N, tỉnh K.

Chỗ ở: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh K.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà Lê Thị V – Sinh năm: 1956.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 01/2009/HSST ngày 06/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 8 năm tù về tội “Giết người; chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 2/5/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

PHẠM QUỐC H – Sinh năm: 1996 tại K

Nơi cư trú: X đường VTS, phường P, thành phố N, tỉnh K

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Phạm H (đã chết) và bà Phan Thị Kim H – Sinh năm: 1976

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2 – Bộ Công an; có mặt tại phiên

tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:*

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Tuyết T – Sinh năm: 1987

Trú tại: 45 TTT, phường P, thành phố N, tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Phạm Thị D – Sinh năm: 1963

Trú tại: A tầng trệt, CT5, VT, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Q – Sinh năm: 1963

Trú tại: 21 Y, phường L, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông Lê Văn Th – Sinh năm: 1973

Trú tại: 241 (số mới) đường C, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Ông Phạm M – Sinh năm: 1969

Trú tại: 26 TL, BT, VT, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

5/ Ông Trần Văn V – Sinh năm: 1990

Trú tại: 24 TH, BT, VT, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

6/ Ông Phạm Huỳnh Q – Sinh năm: 2002

Trú tại: TL, BT, phường PL, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

7/ Ông Nguyễn Thành C – Sinh năm: 2001

Trú tại: 238 VVH, phường V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

8/ Bà Lê Thị V – Sinh năm: 1956

Trú tại: 51/1 LTT, phường L, thành phố N, tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

9/ Bà Phan Thị Kim H – Sinh năm: 1976

Trú tại: Z VTS, phường P, thành phố N, tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người làm chứng:**

1/ Ông Nguyễn Thanh H – Sinh năm: 1993

Trú tại: 45 TTT, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Ông Trần Ngọc Th – Sinh năm: 1996

Trú tại: D đường X, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông Quách Anh T – Sinh năm: 1991

Trú tại: 9B TKD, phường P, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019, Trần Lê Nhất T có giới thiệu cho người quen của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mặc dù không thỏa thuận trước nhưng T cho rằng Tr phải trả cho mình 50.000.000 đồng là tiền thù lao giới thiệu. Ngày 28/4/2019, bà Tr hẹn T đến quán cà phê Q tại số 9 đường L, phường P, thành phố N để đưa tiền bồi dưỡng. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T kể cho Phạm Quốc H biết sự việc giới thiệu cho vay tiền và rủ H đi lấy tiền của bà Tr, H đồng ý. T điều khiển xe Exciter biển kiểm soát 79N2-A chở H đến quán cà phê Q. Cả hai vào quán ngồi được một lúc thì Tr đi ô tô đến và ngồi cùng bàn với T, còn H ngồi một mình tại bàn khác.

Trong lúc ngồi nói chuyện, Tr đưa cho T 500.000 đồng tiền bồi dưỡng. T cho rằng số tiền này không xứng đáng nên đã dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt của Tr, đồng thời gọi H tới bàn để hỗ trợ. Khi H tới bàn thì T rút dao xếp mang theo dí vào hông bên phải của bà Tr, đe dọa buộc bà Tr phải đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà Tr không mang theo đủ tiền nên thỏa thuận với T sẽ đưa trước cho T 10.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn qua lễ (ngày 01/5/2019) sẽ đưa đủ. T yêu cầu bà Tr đem xe máy PCX biển kiểm soát 79N2-B của Tr đến đưa cho T giữ để làm tin, khi nào Tr trả đủ số tiền 40.000.000 đồng thì sẽ trả lại xe máy. Do bị đánh và đe dọa nên Tr buộc phải gọi điện cho em trai là Nguyễn Thanh H mang xe máy đến quán cà phê để giao cho T. Khi H đi xe máy PCX đến trước quán cà phê Q thì T nói H ra lấy xe máy và gọi xe ôm cho H về. Sau đó, T yêu cầu Tr phải viết giấy nhận nợ 40.000.000 đồng và T nhờ H đọc cho bà Tr viết. Tiếp đến cả hai lên xe ô tô để bà Tr chở đến nhà dì của bà Tr ở số 14 đường N, phường T, thành phố N lấy tiền. Khi tới nơi, T và H đứng ngoài đợi, còn Tr đi vào trong nhà mở ví của Tr lấy 10.000.000 đồng đi ra đưa cho H. Sau đó, cả nhóm quay lại quán cà phê, Tr lái xe đi về, còn H đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng. T cho H 1.000.000 đồng và nói H mang xe máy PCX về nhà cất giữ. Sau khi bị T và H chiếm đoạt tài sản, bà Tr đã đến Công an thành phố N trình báo sự việc.

Khoảng 12 giờ ngày 02/5/2019, T điện thoại cho bà Tr và hẹn đến quán cà phê trên đường T, phường P, thành phố N để lấy xe. Sau đó, T và H đi đến quán cà phê ngồi đợi thì gặp bạn của H là Nguyễn Thành C đang chở Phạm Huỳnh Q đi khám bệnh nên rủ vào uống cà phê. H rủ C và Q ngồi chờ lấy hộ nợ T vì người nợ tiền đang trên đường đem đến trả, C và Q đồng ý. T đưa hai con dao cho H, H nói Q đứng dậy rồi để hai con dao xuống dưới ghế và nhờ Q giữ hộ. T đi sang quán cà phê đối diện bên kia đường ngồi đợi bà Tr. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bà Tr đi tới cổng bệnh viện T, T nói C ra đón và đưa Tr đến gặp T. Khi bà Tr vào ngồi cùng bàn với T thì T nói H và C đi vào bệnh viện đa khoa T lấy xe máy PCX ra. H và C đi lấy xe máy và dựng trước chỗ T ngồi rồi đi về bàn chỗ Q đang ngồi. Khi bà Tr đang kiểm tra xe máy PCX, còn T, H, C, Q đang ngồi chờ lấy tiền thì bị Công an thành phố N phát hiện và đưa về trụ sở làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 270 ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận xe máy Honda PCX biển kiểm soát 79N2-B có giá trị là 44.720.000 đồng.

Bản án hình sự số 245/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng các điểm d, đ khoản 2 điều 168; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Lê Nhất T; xử phạt Trần Lê Nhất T 8 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 02/5/2019.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Quốc H (bị cáo không kháng cáo), quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2020, bị cáo Trần Lê Nhất T có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lê Nhất T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản” mà phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng hành vi của các bị cáo hội đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” như: tấn công ngay tức khắc, sử dụng dao chĩa vào vùng hông của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo Trần Lê Nhất T đã hoàn thành tại thời điểm bị cáo tấn công làm người bị hại tê liệt ý chí phản kháng và phải giao tài sản cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Lê Nhất T cho rằng bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Lê Nhất T có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh K ngày 28/9/2020 và được gửi trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang vào ngày 29/9/2020. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lê Nhất T không thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ có hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” chứ không phải “Cướp tài sản”, bị cáo thừa nhận có sử dụng vũ lực, đánh bà Nguyễn Thị Tuyết Tr vì bị bà Tr xúc phạm chứ không phải sử dụng vũ lực để cướp tài sản.

Xem xét diễn biến hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/5/2019 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nha Trang, bị cáo thừa nhận khi bà Tr đưa cho bị cáo số tiền 500.000 đồng, bị cáo đã tức giận dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mắt và vùng má của bà Tr, vừa đánh vừa nói “...*nghe sao bà đưa cho tôi 500.000 đồng, địt mẹ mày, mày có đưa tiền cho tao không...*”. Lúc này bị cáo gọi H sang hỗ trợ, “đồng thời tôi rút dao xếp mang theo sẵn chĩa vào hông của Tr và nói: “*Mày tin tao chôn mày ở đây không?*”. Bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc như đánh vào mặt của bị hại, vừa đánh vừa đòi tiền và sử dụng dao xếp chĩa vào hông của bị hại, sau đó tiếp tục dùng tay, chân đánh vào người bị hại để yêu cầu bị hại đưa số tiền 10.000.000 đồng và chiếc xe PCX, buộc bị hại phải gọi em trai lên giao xe cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự

năm 2015. Có căn cứ để xác định rằng, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị cáo về tội danh là không có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Lê Nhất T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị cáo Trần Lê Nhất T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Lê Nhất T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Lê Nhất T;

Xử phạt bị cáo **TRẦN LÊ NHẤT T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/5/2019.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Lê Nhất T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an TP Nha Trang
- VKSND TP Nha Trang
- Chi cục THADS TP Nha Trang
- TAND TP Nha Trang
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Công an tỉnh K/Hòa (Phòng hồ sơ)
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH